

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST

Ngày: 08 - 6 - 2017

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Dương Đức Bản.

2. Bà: Đặng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Nga - Là Thư ký TAND Thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thành Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2016/TLST-KDTM ngày 13/7/2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-KDTM ngày 27/4/2017; (quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-KDTM ngày 15/5/2017) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Việt Nam (A). Địa chỉ trụ sở: số x đường T, khu đô thị M, huyện T, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên A. Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: ông Nguyễn Đức S - Giám đốc A Chi nhánh L - Quảng Bình (văn bản uỷ quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch HĐTV); Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng ông Nguyễn Mạnh H - Phó Giám đốc A Chi nhánh L. - Quảng Bình (văn bản uỷ quyền số 01/LTK-UQ ngày 01/7/2016 của Giám đốc A Chi nhánh L). Địa chỉ trụ sở Chi nhánh: số y đường L, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trương Quang Th- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên Đ - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ trụ sở: Số P đường T, phường H, thành phố Đ Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mộc Mỹ nghệ C. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức T - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Vắng mặt lần thứ hai.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Trần Đức T, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2016 bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam trình bày:

Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh L, Quảng Bình (sau đây viết tắt là A Chi nhánh L) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Mộc mỹ nghệ C (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH C) có thoả thuận ký kết hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 101/2015/HĐTD ngày 24/3/2015. Theo đó, Công ty TNHH C vay của A Chi nhánh L số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng; lãi suất cho vay 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng ấn định tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn và được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ; mục đích vay vốn bổ sung vốn kinh doanh các sản phẩm mộc mỹ nghệ. Thực hiện hợp đồng, A Chi nhánh L đã giải ngân và Công ty TNHH C đã nhận nợ 1.200.000.000 đồng, trên các khế ước cụ thể:

Ngày 25/3/2015 nhận nợ 500.000.000 đồng thời hạn trả nợ gốc 25/11/2015.
đã trả lãi đến ngày 22/6/2015.

Ngày 27/4/2015 nhận nợ 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 27/12/2015.

Ngày 17/6/2015 nhận nợ 400.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 17/3/2016.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ số tiền vay trên của Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C, ông Trần Đức T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 670554 và số BP 670557 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 18/12/2013 đứng tên ông Trần Đức T theo thoả thuận tại:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013. Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 734 tờ bản đồ số 35 xã Đ diện tích 425,5 m² và quyền sở hữu nhà cấp 4, 2 tầng diện tích xây dựng 121,3 m² diện tích sử dụng 199,5 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 670557, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01758 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 18/12/2013). Tổng giá trị tài sản bảo đảm 1.580.000.000 đồng bao gồm cả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013. Thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 736 tờ bản đồ số 35 xã Đ diện tích 75,0 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 670554, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 18/12/2013 Tổng giá trị tài sản bảo đảm 262.500.000 đồng bao gồm cả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, tất cả các khoản vay đều đã quá hạn; A Chi nhánh L nhiều lần thông báo đòi nợ nhưng Công ty TNHH C và người bảo lãnh ông Trần Đức T vẫn lẩn tránh trách nhiệm, gây thiệt hại, trở ngại đến hoạt động kinh doanh của A Chi nhánh L.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn Công ty TNHH C phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam thông qua A Chi nhánh L số tiền 1.324.347.221 đồng;

trong đó nợ gốc 1.200.000.000 đồng; Nợ lãi (tạm tính đến ngày 30/6/2016) là: 124.347.221 đồng (lãi trong hạn: 101.694.443 đồng, lãi quá hạn: 22.652.778 đồng). Kể từ ngày 01/7/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc, Công ty TNHH C và ông Trần Đức T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả, theo lãi suất tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 101/2015/HĐTD ngày 24/3/2015 nói trên.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến hết ngày xét xử sơ thẩm (08/6/2017), yêu cầu Toà án buộc Công ty THHH Mộc mỹ nghệ C trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.437.366.666 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ 176.988.888 đồng tiền lãi quá hạn 60.377.778 đồng). Trong trường hợp Công ty C không trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng đề nghị Toà án tuyên buộc cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá toàn bộ tài sản của ông Trần Đức T đã thế chấp theo quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH mộc mỹ nghệ C.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nhưng do bị đơn không còn trụ sở như ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trong hợp đồng tín dụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong hợp đồng thế chấp tài sản, nên việc tổng đạt không thể thực hiện. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp chứng cứ cho Toà án. Toà án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, không có mặt tại nơi có trụ sở doanh nghiệp đã đăng ký và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có mặt tại nơi cư trú, Toà án đã tiến hành cấp tổng đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự..

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều Điều 306 của Luật Thương mại 2005, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 721 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 166, 167, 179 của Luật Đất đai

2013 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty THHH Mộc mỹ nghệ C phải trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 1.437.366.666 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ 176.988.888 đồng tiền lãi quá hạn 60.377.778 đồng). Kể từ ngày tuyên án trở đi cho đến khi trả hết nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thín hành theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 101/2015/HĐTD ngày 24/3/2015.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng N Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Ngân hàng chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh", tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại các khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2.] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, theo địa chỉ trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bị đơn, nơi cư trú và làm việc của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được ghi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nhưng do bị đơn không còn trụ sở, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn cư trú tại địa chỉ được ghi trong giao dịch nên việc tổng đạt không thể thực hiện. Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi có trụ sở, nơi cư trú làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi có trụ sở mới, nơi cư trú làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, khoản 1 Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Toà án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn không có kết quả. Do vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa ngày 15/5/2017, Toà án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan. Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 101/2005/HĐTD ngày 24/3/2015 giữa Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh L Quảng Bình và Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết; về hình, thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng 2010, Công ty TNHH C có chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hợp pháp để vay vốn Ngân hàng Công ty có phương án sản xuất kinh doanh và Giám đốc Công ty ông Trần Đức T được hội đồng thành viên giao cho quyền thực hiện ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng bảo đảm tiền vay tại A Chi nhánh L Quảng Bình. Ngân hàng đã thẩm định, xét duyệt trước khi ký kết hợp đồng. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện. Công ty TNHH C đã được giải ngân từng lần theo hạn mức tín dụng được cấp và ký giấy nhận nợ.

Theo tài liệu chứng cứ do Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh L cung cấp, có căn cứ xác định bị đơn Công ty TNHH C đã được giải ngân 3 lần và tính đến hết ngày 08/6/2017 số nợ gốc và nợ lãi phát sinh như sau:

Ngày 25/3/2015 nhận nợ 500.000.000 đồng thời hạn trả nợ 25/11/2015 (chưa trả gốc, đã trả lãi đến ngày 22/6/2015) còn nợ lãi trong hạn kể từ ngày 23/6/2015 là 72.402.777 đồng, lãi quá hạn là 27.534.722 đồng.

Ngày 27/4/2015 nhận nợ 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 27/12/2015 chưa trả gốc và toàn bộ lãi trong hạn là 47.241.666 đồng, lãi quá hạn là 15.420.834 đồng.

Ngày 17/6/2015 nhận nợ 400.000.000, thời hạn trả nợ 17/3/2016 chưa trả gốc và toàn bộ lãi trong hạn là 57.344.445 đồng, lãi quá hạn là 17.422.222 đồng.

Toàn bộ khoản vay đã quá hạn. Nên Nguyên đơn khởi kiện đòi toàn bộ nợ gốc 1.200.000.000 đồng là có căn cứ. Số tiền nợ lãi Ngân hàng đã tính đúng như lãi suất đã thoả thuận giữa hai bên ký kết trong hợp đồng tín dụng 8%/năm, lãi suất quá hạn cộng thêm 4%/năm và có điều chỉnh lãi suất xuống 7%/năm, lãi suất quá hạn 3,5%/năm kể từ ngày 03/01/2016; do Công ty TNHH C không trả nợ gốc đúng hạn nên Ngân hàng tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu đòi nợ gốc và lãi đều trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng Điều 306 Luật Thương mại 2005, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam xử buộc Công ty THHH Mộc mỹ nghệ C trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 1.437.366.666 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ 176.988.888 đồng tiền lãi quá hạn 60.377.778 đồng).

[2.2]. Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba: Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C, ông Trần Đức T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (do được tặng cho riêng) trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP

670554 và số BP 670557, do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 18/12/2013 đứng tên ông Trần Đức T theo thoả thuận tại: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013.

Cả 2 Hợp đồng thế chấp tài sản đều được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình ngày 20/12/2013 có số công chứng 215 và 214 quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGDK và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đồng Hới ngày 20/12/2013. Ngày 24/3/2015 ông Trần Đức T có văn bản đề nghị và cam kết tiếp tục dùng tài sản thế chấp tại hai hợp đồng thế chấp tài sản số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 và 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 nói trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C đối với A Chi nhánh L.

Việc ông T tự nguyện thoả thuận dùng tài sản được tặng cho của mình để ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo lãnh cho khoản vay của Công ty C với Ngân hàng, hợp đồng được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Hợp đồng có hiệu lực các bên có nghĩa vụ thi hành. Theo đó, Công ty TNHH C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì ông Trần Đức T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thoả thuận tại Điều 4 của các Hợp đồng thế chấp tài sản. Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Đức T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 là tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của Công ty TNHH mộc mỹ nghệ C theo quy định tại các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 721 của Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 166, 167, 179 của Luật Đất đai 2013.

Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án, khoản 3 mục I danh mục mức án phí, lệ phí. Theo đó số tiền án phí là 36.000.000 đồng + (3% x 637.366.666 đồng = 19.120.999) = 55.120.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án và khoản 3 mục I danh mục mức án phí, lệ phí.

Áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại 2005, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 318, 342, 343, 344,

348, 349, 350, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam buộc Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C phải trả nợ cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 1.437.366.666 đồng (*Một tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*); bao gồm toàn bộ nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ 176.988.888 đồng, tiền lãi quá hạn 60.377.778 đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2017) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 101/2015/HĐTD ngày 24/3/2015.

2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tại thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BP 670557, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01758 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BP 670554, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 18/12/2013 đều mang trên ông Trần Đức T là tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng N Việt Nam khi vay tiền theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 420/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 có số công chứng 215 quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGDK và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 421/2013/HĐTC ngày 20/12/2013 có số công chứng 214 quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGDK, đều do Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình chứng thực ngày 20/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đồng Hới ngày 20/12/2013 là tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng N Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Ngân hàng N Việt Nam-Chi nhánh L, Quảng Bình là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Mộc mỹ nghệ C phải chịu 55.120.000 đồng án phí kinh doanh thương mại để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 25.865.208 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số AA/2015/N⁰ 0001533 ngày 12/7/2016 (có tên người nộp tiền Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Ngân hàng N chi nhánh L, Quảng Bình).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn